TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 29/2019/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 08 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa:

+ Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1987;

+ Bị đơn: anh Huỳnh Đức T, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Đức T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Đức T thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị K và anh Huỳnh Đức T có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Th, sinh ngày 21-5-2007 và Huỳnh Thị Thanh Tr, sinh ngày 05-10-2011. Chị K, anh T thống nhất giao cháu Tr cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), giao cháu Th cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị K, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị K, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: chị Nguyễn Thị K, anh Huỳnh Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng chị K tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng mà chị K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Q

theo biên lai thu số 0003481, ngày 21 tháng 01 năm 2019. Hoàn trả cho chị K số tiền là 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quân